TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2017/DS-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2017
V/v đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;

2. Bà Tống Thị Kim Điền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2009/TLST-DS ngày 24 tháng 06 năm 2009 về việc tranh chấp "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H; sinh năm 1966; địa chỉ: Dường D, Phường 11, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thành C thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Công ty TM; địa chỉ: Đường B, phường P, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn L, chức vụ: Giám đốc; đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phúc T; thường trú tại: Xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: đường T, phường 13, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 11/7/2016). (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm 1967; địa chỉ: Đường L, Phường 10, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Ông Nguyễn Trọng K là Giám đốc Công ty TM (sau đây gọi là Công ty TM) tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 8/8/2005, Giám đốc Công ty TM lập giấy ủy quyền với nội dung ông Nguyễn Trọng K được quyền vay vốn Ngân hàng để phục vụ cho hoạt động của chi nhánh công ty, được đem tài sản của công ty và cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng và Công ty TM cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện trong việc trả nợ gốc, lãi và các chi phí khác đối với khoản vay của Chi nhánh Công ty TM vay.

Tháng 8/2005 ông Nguyễn Trọng K đã vận động bà Nguyễn Thị Thu H mang tài sản riêng là căn nhà số đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thế chấp cho Ngân hàng T Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để bảo lãnh cho khoản vay vốn kinh doanh của Công ty TM với giá trị bảo lãnh tối đa là 1.722.811.300 (Một tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu tám trăm mười một ngàn ba trăm) đồng.

Do Công ty TM vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng T đã khởi kiện yêu cầu Công ty TM phải trả tiền vay. Tòa án đã giải quyết xác nhận trách nhiệm trả nợ gốc và tiền lãi trong Hợp đồng tín dụng là của Công ty TM, và bà Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TM tổng số tiền gốc và lãi là 2.424.884.552 (Hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi hai) đồng.

Về quyền sở hữu, căn nhà này là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Thu H không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Trọng K, bà Nguyễn Thị Thu H sở hữu căn nhà này trước khi kết hôn với ông Nguyễn Trọng K và giữa ông Nguyễn Trọng K với bà Nguyễn Thị Thu H không có thỏa thuận nào đưa căn nhà này vào làm tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Nay bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TM phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền gốc và lãi 2.424.884.552 (Hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi hai) đồng bà Nguyễn Thị Thu H đã thanh toán cho Ngân hàng T.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Phúc Thịnh trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2001 đến tháng 7 năm 2006, ông Nguyễn Trọng K (chồng bà Nguyễn Thị Thu H) được Công ty TM giao khoán trọn gói mọi hoạt động kinh doanh của Công ty TM, hàng tháng ông Nguyễn Trọng K phải trả cho Công ty TM số tiền là 10.000.000 đồng, ông Nguyễn Trọng K chịu mọi trách nhiệm về hoạt động của Công ty TM. Để hợp thức cho việc hoạt động kinh doanh của ông Nguyễn Trọng K phù hợp pháp luật, ông Lê Kiên Thành là người đại diện theo pháp luật của Công ty TM có làm giấy ủy quyền để giao lại Công ty TM cho ông Nguyễn Trọng K điều hành và toàn quyền quyết định. Trong quá trình hoạt động kinh doanh tại Công ty TM, ông Nguyễn Trọng K đã gây thất thoát cho Công ty TM số tiền 10.114.962.010 đồng.

Tuy nhiên, trên tinh thần hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau, phía Công ty TM đã chấp nhận hỗ trợ cho ông Nguyễn Trọng K các khoản tiền sau:

1/ Tiền lãi vay Ngân hàng T: 3.138.492.228 đồng.

2/ Tiền thuế: 217.820.424 đồng.

3/ Tiền Bảo hiểm Xã hội: 99.424.000 đồng.

Tổng cộng: 3.455.736.652 đồng và ông Nguyễn Trọng K còn nợ lại Công ty TM số tiền là: 6.689.225.358 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (trang 9) có ghi nhận: "Ngày 27/5/2009 Nguyễn Trọng K và Công ty TM tiến hành đối chiếu sổ sách, chứng từ Kỳ xác định còn nợ Công ty TM số tiền 10.114.962.010 đồng, số tiền này Công ty TM chỉ yêu cầu Kỳ thanh toán 6.689.225.358 đồng. Tháng 8/2009 bà Nguyễn Thị Thu H (vợ Nguyễn Trọng K) đã thanh toán cho Ngân hàng T Việt Nam số tiền 2.424.884.552 đồng. Hiện tại Kỳ còn nợ Công ty TM số tiền 4.229.225.358 đồng", và tại phiên Tòa sơ thẩm nói trên, ông Nguyễn Trọng K không phản đối hoặc có ý kiến gì khác đối với khoản tiền nói trên và xem như đã chấp nhận. Thực tế, tại Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm này, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã quy buộc ông Nguyễn Trọng K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TM số tiền còn nợ là 4.229.225.358 đồng (sau khi đã cấn trừ khoản tiền Bà H đã trả cho Ngân hàng T Việt Nam).

Với những nội dung trình bày nêu trên, Công ty TM khẳng định rằng, đến nay, Công ty TM không hề còn tồn tại bất kỳ khoản nợ nào với Bà H. Nếu Bà H muốn khởi kiện đòi khoản tiền này thì Bà H chỉ có thể khởi kiện đòi ông Nguyễn Trọng K mà thôi, và thực tế đến nay, ông Nguyễn Trọng K là người còn nợ dân sự Công ty TM số tiền 4.229.225.358 đồng.

Với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, Công ty TM không đồng ý, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại các bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Trọng K trình bày:

Từ tháng 10/1995 đến ngày 30/7/2006 ông K là nhân viên, có ký Hợp đồng lao động với Công ty TM, Ngày 8/8/2005, Giám đốc Công ty TM lập giấy ủy quyền với nội dung ông Nguyễn Trọng K được quyền vay vốn Ngân hàng để phục vụ cho hoạt động của chi nhánh công ty, được đem tài sản của công ty và cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng và Công ty TM cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện trong việc trả nợ gốc, lãi và các chi phí khác đối với khoản vay của Chi nhánh Công ty TM vay.

Tháng 8/2005 ông Nguyễn Trọng K đã vận động bà Nguyễn Thị Thu H mang tài sản riêng là căn nhà số đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thế chấp cho Ngân hàng T Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để bảo lãnh cho khoản vay vốn kinh doanh của Công ty TM với giá trị bảo lãnh tối đa là 1.722.811.300 (Một tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu tám trăm mười một ngàn ba trăm) đồng.

Do Công ty TM vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng T đã khởi kiện yêu cầu Công ty TM phải trả tiền vay. Tòa án giải quyết đã xác nhận trách nhiệm trả nợ gốc và tiền lãi trong Hợp đồng tín dụng là của Công ty TM, và bà

Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TM tổng số tiền gốc và lãi là 2.424.884.552 (Hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi hai đồng).

Nay với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H buộc Công ty TM trả nợ gốc và lãi thì ông K hoàn toàn đồng ý, còn quan hệ giữa ông K và Công ty TM là quan hệ khác, nếu Công ty TM có yêu cầu về nghĩa vụ tài chính thì đề nghị Công ty TM yêu cầu trực tiếp đối với ông K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Nguyễn Thành C trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu H đã sử dụng căn nhà số đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thế chấp cho Ngân hàng T Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để bảo lãnh cho khoản vay vốn kinh doanh của Công ty TM với giá trị bảo lãnh tối đa là 1.722.811.300 (Một tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu tám trăm mười một ngàn ba trăm) đồng. Căn nhà này là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Thu H không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Trọng K, bà Nguyễn Thị Thu H sở hữu căn nhà này trước khi kết hôn với ông Nguyễn Trọng K và giữa ông Nguyễn Trọng K với bà Nguyễn Thị Thu H không có thỏa thuận nào đưa căn nhà này vào làm tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Bà Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TM tổng số tiền gốc và lãi là 2.424.884.552 (Hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi hai) đồng. Ngày 01/6/2009, Ngân hàng T Việt Nam ban hành thông báo giải chấp số 0514/TCB gửi đến Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo bà Nguyễn Thị Thu H đã thanh toán phần bảo lãnh cho Công ty TM đối với Hợp đồng Tín dụng số 14/04K/HĐHM/TCB-HCM ngày 23/9/2004 (bao gồm cả nợ gốc và lãi vay) và Đề nghị Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho giải chấp tài sản thế chấp là nhà và đất tại số đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy bà Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện nghĩa vụ đảm bảo là trả nợ thay cho Công ty TM số tiền nợ lãi và nợ gốc theo Hợp đồng Tín dụng số 14/04K/HĐHM/TCB-HCM ngày 23/9/2004 số tiền 2.424.884.552 (Hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi hai) đồng.

Việc bị đơn cho rằng phía ông Nguyễn Trọng K phải chịu trách nhiệm toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh trong hợp đồng là không có cơ sở vì theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4112019311, đăng ký ngày 29/08/2005 thể hiện Chi nhánh Công ty TM Trung tâm kinh doanh và trưng bày sản phẩm do ông Nguyễn Trọng K làm Giám đốc được hoạt động theo uỷ quyền của doanh nghiệp là Công ty TM. Mặc khác bà Nguyễn Thị Thu H ký hợp đồng bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TM chứ không bảo lãnh cho khoản vay của cá nhân ông Nguyễn Trọng K.

Do đó đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: về thẩm quyền thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trọng K có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ các điều 256, 260, 305, 361, 363, 367 Bộ luật Dân sự 2005;

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] 1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[3] Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện tranh chấp về đòi tài sản đối với Công ty TM; địa chỉ: Đường B, phường P, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về Quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vị liên quan là ông Nguyễn Trọng K có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] 2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6] Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Công ty TM thanh toán số tiền 2.424.884.552 (Hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi hai) đồng tiền nợ, là số tiền bao gồm nợ gốc và nợ lãi Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng T Việt Nam để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khoản vay 1.722.811.300 (Một tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu tám trăm mười

một nghìn ba trăm) đồng theo Hợp đồng Tín dụng số 14/04K/HĐHM/TCB-HCM ngày 23/9/2004 giữa Công ty TM với Ngân hàng T Việt Nam.

[7] Xét về số nợ phải trả: Công ty TM vay của Ngân hàng T Việt Nam số tiền 1.722.811.300 (Một tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu tám trăm mười một nghìn ba trăm) đồng thông qua hợp đồng tín dụng số 14/04K/HĐHM/TCB-HCM ngày 23/9/2004 và được bà Nguyễn Thị Thu H bảo lãnh khoản vay nói trên bằng tài sản của mình là nhà và đất tại số đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Thu H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 11024/99 ngày 22/9/1999 xác nhận bà Nguyễn Thị Thu H là chủ sở hữu căn nhà nêu trên từ ngày 15/12/1999 theo hợp đồng bảo lãnh số 4100/HĐBL/TCB ngày 17/8/2005. Do Công ty TM không thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng T Việt Nam khởi kiện Công ty TM để đòi nợ gốc và lãi tổng cộng 2.424.884.552 đồng và bà Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện nghĩa vụ bảo đảm trả nợ thay cho Công ty TM số tiền nói trên. Ngày 01/6/2009 Ngân hàng T Việt Nam ban hành thông báo giải chấp số 0514/TCB gửi đến Phòng công chứng số 4 Thành phố Hồ Chí Minh thông báo bà Nguyễn Thị Thu H đã thanh toán phần bảo lãnh cho Công ty TM đối với Hợp đồng Tín dụng số 14/04K/HĐHM/TCB-HCM ngày 23/9/2004 (bao gồm cả nợ gốc và lãi vay) và đề nghị Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho giải chấp tài sản thế chấp là nhà và đất tại số đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy bà Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện nghĩa vụ đảm bảo là trả nợ thay cho Công ty TM số tiền nợ lãi và nợ gốc theo Hợp đồng Tín dụng số 14/04K/HĐHM/TCB-HCM ngày 23/9/2004 số tiền 2.424.884.552 đồng.

[8] Theo quy định tại Điều 367 Bộ luật dân sự năm 2005: "Khi bên bảo lãnh đã hoàn thành nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong phạm vi bảo lãnh, nếu không có thoả thuận khác".

[9] Theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005: "Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình phải trả lại tài sản đó".

[10] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H là tự nguyện phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[11] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[12] Xét, ý kiến của bị đơn cho rằng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên thuộc trách nhiệm của cá nhân ông Nguyễn Trọng K vì Công ty TM đã khoán nội bộ tự thu - chi cho ông K và vì vậy đã có văn bản uỷ quyền cho ông K ký kết các hợp đồng vay và sử dụng toàn bộ số tiền vay đó cho các hoạt động của Chi nhánh Công ty do ông K được bổ nhiệm làm Giám đốc. Xét, ý kiến này là không có cơ sở, bởi lẽ, không được phía nguyên đơn và ông K chấp nhận. Đồng thời, căn cứ vào các chứng cứ như Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TM ngày 02/08/2004; Giấy uỷ quyền số 05/CVTMC ngày

08/8/2005 đều có nội dung giao cho ông Nguyễn Trọng K với tư cách là Cửa hàng trưởng vào tháng 8/2004 và là Giám đốc Chi nhánh Công ty TM vào tháng 8/2005 được quyền vay vốn Ngân hàng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty, vì vậy thời điểm ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên mặc dù ông K là người ký kết và thực hiện các hợp đồng nhưng tất cả đều thay mặt Công ty vì đã có uỷ quyền hợp pháp của người đại diện theo pháp luật của bị đơn .

[12] Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4112019311, đăng ký ngày 29/08/2005 thể hiện Chi nhánh Công ty TM Trung tâm kinh doanh và trưng bày sản phẩm do ông Nguyễn Trọng K làm Giám đốc được hoạt động theo uỷ quyền của doanh nghiệp là Công ty TM. Mặc khác bà Nguyễn Thị Thu H ký hợp đồng bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TM chứ không bảo lãnh cho khoản vay của cá nhân ông Nguyễn Trọng K.

[13] Vì vậy, việc bị đơn cho rằng phía ông Nguyễn Trọng K phải chịu trách nhiệm tòan bộ số nợ gốc và lãi phát sinh trong hạn hợp đồng là không có cơ sở, do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[14] Xét, phía bị đơn thừa nhận từ tháng 10/1995 đến ngày 30/7/2006 ông K là nhân viên, có ký hợp dồng lao động với công ty, do đó trường hợp ông K gây ra những thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của Công ty trong thời gian được uỷ quyền hoạt dộng kinh doanh tại Chi nhánh Công ty thì đây là quan hệ tranh chấp thuộc nội bộ Công ty, nếu không tự giải quyết thì được quyền khởi kiện thành một vụ án dân sự khác sau này khi có yêu cầu.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền 2.424.884.552 (Hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi hai) đồng cho nguyên đơn do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 256, 260, 305, 361, 363, 367, Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H về việc:

1.1. Buộc Công ty TM thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu H khoản tiền nợ 2.424.884.552 (Hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi hai) đồng.

1.2 Trong trường hợp Công ty TM chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty TM chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.424.885 (Hai mươi chín triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn tăm trăm tám mươi lăm) đồng.

2.2 Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí 14.730.000 (Mười bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009692 ngày 24/6/2009 của Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Mỗi đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Viết Bình

2.2 Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí 14.730.000 (Mười bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009692 ngày 24/6/2009 của Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Viết Bình